

Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

I. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ DỰ TOÁN, GÓI THẦU

1. Giới thiệu chung về dự án/ gói thầu:

- Tên dự án: Thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn phường Dương Kinh năm 2026 .
- Tên gói thầu: Gói thầu số 01: Dịch vụ thu gom, vận chuyển
- Nguồn vốn: Nguồn vốn ngân sách nhà nước và Nguồn thu giá dịch vụ vệ sinh môi trường
- Phương thức lựa chọn nhà thầu: Đấu thầu rộng rãi trong nước, một giai đoạn một túi hồ sơ
- Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu: Quý I/2026.
- Loại hợp đồng: Trọn gói
- Thời gian thực hiện hợp đồng: 365 ngày
- Địa điểm thực hiện: Phường Dương Kinh, thành phố Hải Phòng.

2. Mục đích

Thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ về quản lý chất thải rắn sinh hoạt được của Ủy ban nhân dân thành phố để duy trì và từng bước đưa công tác quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn thành phố đi vào hoạt động ổn định, nề nếp, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong nhận thức, nâng cao ý thức trách nhiệm về lĩnh vực thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt, nhằm cải thiện chất lượng môi trường trên địa bàn thành phố.

Tăng cường công tác quản lý chất thải rắn sinh hoạt; giảm thiểu tác động tiêu cực của chất thải rắn sinh hoạt tới môi trường và sức khỏe con người; đảm bảo cảnh quan, môi trường khu vực đô thị, vùng nông thôn trên địa bàn thành phố; đẩy mạnh xã hội hóa công tác quản lý chất thải rắn sinh hoạt.

Nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp, các ngành, các tổ chức, cá nhân về quản lý chất thải rắn sinh hoạt; thay đổi từ nhận thức đến hành động để từng bước thực hiện phân loại rác thải sinh hoạt tại nguồn, lưu giữ, thu gom, tái sử dụng,

tái chế và xử lý rác thải phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương và quy định của pháp luật.

II. KHỐI LƯỢNG CÔNG VIỆC THỰC HIỆN:

- + Quét, thu gom rác trên các tuyến đường bằng thủ công: 178.000 m².
- + Quét, thu gom rác trên các tuyến hè đường phố bằng thủ công: 132.000 m².
- + Quét rác đường phố bằng xe quét rác chuyên dụng: 1,81 km.
- + Duy trì vệ sinh dải phân cách bằng xe quét rác chuyên dụng: 1,81 km.
- + Duy trì vệ sinh ngõ xóm: 46,3 km (khoảng 7.800 hộ dân).
- + Vận chuyển rác về khu xử lý trong ngày bằng phương tiện xe chuyên dụng.

III. YÊU CẦU KỸ THUẬT CỦA GÓI THẦU:

3.1 Yêu cầu về vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt

Nhà thầu phải cam kết rác sau khi thu gom được vận chuyển đến địa điểm xử lý rác thải theo đúng quy định. Cơ sở xử lý rác thải phải được cơ quan có thẩm quyền cấp phép hoạt động theo đúng quy định pháp luật về bảo vệ môi trường.

Nhà thầu phải cam kết bảo đảm đủ nhân lực, phương tiện và thiết bị chuyên dụng để vận chuyển, xử lý toàn bộ rác sinh hoạt.

Nhà thầu phải cam kết thực hiện xử lý khối lượng rác đã thu gom, vận chuyển theo đúng quy định Pháp luật về xử lý rác thải sinh hoạt.

Nhà thầu phải có đủ chức năng vận chuyển và xử lý chất thải sinh hoạt theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường,

3.2 Yêu cầu về bảo đảm vệ sinh môi trường, phòng cháy chữa cháy và an toàn lao động

a. Vệ sinh môi trường

Nhà thầu phải có cam kết thực hiện vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt đến điểm tập kết, trạm trung chuyển, cơ sở xử lý bằng các phương tiện, thiết bị đáp ứng yêu cầu kỹ thuật về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật. Trong quá trình vận chuyển không để rơi vãi chất thải rắn sinh hoạt, rò rỉ nước rỉ rác, phát tán mùi ra ngoài môi trường.

Nhà thầu phải có phương án ứng phó sự cố rò rỉ, tràn đổ chất thải đối với trường hợp đang trong quá trình bốc dỡ, vận chuyển chất thải.

Trong quá trình vận chuyển chất thải nhà thầu phải có biện pháp che chắn, vệ sinh khu vực bảo đảm an toàn, vệ sinh môi trường.

Nhà thầu chịu trách nhiệm tự kiểm tra giám sát việc thực hiện bảo vệ môi trường trong quá trình thực hiện vận chuyển chất thải, đồng thời chịu sự kiểm tra giám sát của Chủ đầu tư. Trường hợp Nhà thầu không tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường thì Chủ đầu tư có quyền tạm ngừng công việc và yêu cầu Nhà thầu thực hiện đúng biện pháp bảo vệ môi trường theo đúng quy định.

Nhà thầu phải có bản cam kết việc thực hiện các biện pháp đảm bảo vệ sinh môi trường như đã đề xuất theo yêu cầu trên để làm căn cứ đánh giá mức độ đáp ứng hệ thống đảm bảo chất lượng và phương pháp thực hiện của nhà thầu.

b. Phòng cháy, chữa cháy

Nhà thầu phải tuân thủ các quy định của Nhà nước về phòng chống cháy nổ.

Nhà thầu lập biện pháp phòng cháy, chữa cháy đảm bảo hợp lý, khả thi đúng quy định của pháp luật về PCCC và phù hợp với biện pháp tổ chức thi công gói thầu.

Nhà thầu phải có bản cam kết tuân thủ các quy định về phòng cháy chữa cháy đã nêu trên và cam kết chịu mọi trách nhiệm pháp lý nếu để xảy ra các sự cố chủ quan gây cháy nổ.

c. An toàn lao động

Nhà thầu có trách nhiệm trang bị đầy đủ các bảo hộ lao động, an toàn lao động cho người lao động, cụ thể: giày bảo hộ lao động, mũ bảo hộ, quần áo bảo hộ lao động và trên áo có logo của nhà thầu, đeo găng tay, mắt kính chống vật bắn, khẩu trang ngăn ngừa mùi khí độc hại và một số trang bị chuyên dụng tùy vị trí và công việc.

Nhà thầu phải thường xuyên kiểm tra giám sát công tác an toàn lao động tại các vị trí thực hiện dịch vụ. Khi phát hiện có vi phạm về an toàn lao động thì phải ngừng ngay công việc để khắc phục đảm bảo an toàn.

Nhà thầu phải có bản cam kết thực hiện các yêu cầu nêu trên; Cam kết tự chịu trách nhiệm an toàn lao động cho công

nhân của mình, cho thiết bị và những người xung quanh; Chịu mọi trách nhiệm pháp lý nếu để xảy ra các sự cố chủ quan gây mất an toàn lao động do không thực hiện đúng quy trình, quy phạm. Cam kết của nhà thầu là căn cứ đánh giá mức độ đáp ứng hệ thống đảm bảo chất lượng và phương pháp thực hiện của nhà thầu.

3.3 Yêu cầu cho từng công tác:

3.3.1. Quét, thu gom rác đường phố, hè phố bằng thủ công

- Chuẩn bị dụng cụ lao động và trang bị bảo hộ lao động.
- Di chuyển công cụ thu chứa đến nơi làm việc.
- Cảnh giới, đảm bảo an toàn giao thông trong khi tác nghiệp.
- Quét rác trên đường phố, vỉa hè, gom thành từng đống nhỏ.
- Quét nước ứ đọng trên đường (nếu có).
- Thu gom rác đống trên đường phố, vỉa hè.
- Hót xúc rác, cát bụi vào công cụ thu chứa. dụng.
- Di chuyển công cụ thu chứa về điểm tập kết rác để chuyển sang xe chuyên
- Dọn sạch các điểm tập kết rác sau khi chuyển rác sang xe chuyên dùng.
- Vệ sinh dụng cụ, công cụ tập kết về nơi quy định
- Ghi chú: Quét, gom rác trên vỉa hè (đối với quét hè) và 2m lòng đường mỗi bên đường kể từ mép ngoài của rãnh thoát nước (đối với quét đường).

3.3.2. Công tác Quét rác đường phố bằng cơ giới

- Chuẩn bị phương tiện, dụng cụ lao động và trang bị bảo hộ lao động.
- Xe ô tô quét hút theo đúng lịch trình quy định, tới điểm quét, bật đèn công tác, kiểm tra các thông số trước khi cho xe vận hành.
- Kiểm tra khi hết nước phải đi lấy ngay đảm bảo chất lượng quét hút.
- Khi rác đầy thì tiến hành đổ phế thải đúng nơi quy định

- Tiếp tục thực hiện quy trình như trên cho đến hết ca làm việc
- Hết ca, vệ sinh phương tiện, dụng cụ tập kết về nơi quy định.

3.3.3. Công tác Duy trì vệ sinh dải phân cách bằng xe cơ giới

- Chuẩn bị dụng cụ lao động và trang bị bảo hộ lao động.
- Di chuyển phương tiện đến địa điểm xúc rác
- Lái xe xúc điều khiển, vùi gọn rác vào điểm tập trung
- Xúc rác lên xe cho đến khi xe đầy rác
- Điều khiển gàu xúc vun gọn rác trên xe
- Tiếp tục thực hiện quy trình như trên cho đến hết ca làm việc
- Hết ca tập trung phương tiện về nơi quy định, giao ca.

3.3.4. Công tác Vận chuyển rác thải sinh hoạt bằng xe ép rác loại 5 tấn ÷ < 10 tấn

- Chuẩn bị phương tiện, dụng cụ lao động và trang bị bảo hộ lao động.
- Di chuyển phương tiện đến điểm tập kết rác.
- Cảnh giới, đảm bảo an toàn giao thông trong khi tác nghiệp.
- Nạp rác từ công cụ thu chứa rác vào máng hứng, ép vào xe.
- Vận hành hệ thống chuyên dùng ép rác.
- Thu gom, quét dọn rác rơi vãi và xúc lên xe.
- Điều khiển xe đến địa điểm tập kết rác kế tiếp, tác nghiệp đến lúc rác đầy xe.
- Điều khiển xe về đến bãi đỗ rác.
- Cho xe vào cân xác định tổng trọng tải xe, điều khiển xe lên đở vào ô chôn lấp, vận hành hệ thống chuyên dùng để đở rác theo đúng qui định trong bãi.
- Điều khiển xe qua hệ thống rửa xe để đảm bảo vệ sinh xe trước khi ra khỏi bãi, điều khiển xe qua cân để xác định tải trọng xe (xác định khối lượng rác vận chuyển).

- Di chuyển xe về bãi tập kết.
- Hết ca vệ sinh phương tiện, giao ca.

3.3.5. Công tác duy trì vệ sinh ngõ xóm.

- Chuẩn bị dụng cụ lao động và trang bị bảo hộ lao động.
- Di chuyển công cụ thu chứa dọc ngõ, ngõ kèng và thu rác nhà dân.
- Cảnh giới, đảm bảo an toàn giao thông trong khi tác nghiệp.
- Thu nhặt các túi rác hai bên ngõ, đứng đợi người dân bỏ túi rác lên xe gom.
- Dùng chổi, xẻng xúc dọn các mô rác dọc ngõ xóm (nếu có) lên công cụ thu chứa và di chuyển về vị trí tập kết qui định.
- Đối với những ngõ rộng, có vỉa hè, rãnh thoát nước, dùng chổi, xẻng tua vỉa, rãnh và xúc lên công cụ thu chứa; dùng chổi quét, gom rác trên hè, trên ngõ.
- Di chuyển công cụ thu rác về điểm tập kết để chuyển rác sang xe chuyên dùng. Tuyên truyền, vận động nhân dân giữ gìn vệ sinh.
- Vệ sinh dụng cụ, công cụ tập kết về nơi qui định.

3.4 Phụ lục 01 thống kê chi tiết khối lượng các tuyến đường, hè, dải phân cách thực hiện thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn phường Dương Kinh năm 2026

TT	Nội dung công việc	Đơn vị	kích thước		khối lượng	Ghi chú
			dài (m)	rộng (m)		
I	Công tác duy trì vệ sinh ngõ xóm	m			46.338	
1	Phố Hải Thành	m				
	Đường Trục chính	-	1.010		1.010	

			kích thước		
	Ngõ 41 phố Hải Thành	-	175		175
	Nhà thờ Thủy Giang	-	479		479
	Ngõ 214 phố Hải Thành	-	245		245
2	Phố Vũ Hộ	-	427		427
	Ngõ 21 đường Vũ Hộ	-	107		107
3	Phố Nghĩa Thành (HT7)	-	443		443
4	Phố Trung Hiếu (HT6)	-	362		362
5	Phố Hải Thụy (HT5)	-	352		352
	Ngõ 11	-	153		153
	Ngõ 22	-	235		235
6	Phố Hải Vĩnh (HT4)	-	307		307
7	347 PVD	-	289		289
8	Phố Hải Châu (HT8)	-	890		890
9	Phố Trung Thành (HT9)	-	602		602
10	Phố số 3	-	201		201
11	Đường Sông He	-	1.500		1.500
	Ngõ 62	-	74		74
	Ngõ 63-65	-	98		98
12	Đường Hải Phong	-	1.720		1.720
	Ngõ 70	-	201		201
	Ngõ 94	-	195		195
	Ngõ 106	-	202		202
	Ngõ 41	-	77		77
	Ngõ 148	-	193		193

			kích thước		
	Ngõ 180	-	268		268
	Ngõ 196	-	233		233
13	Đường Đại Thắng	-	2.650		2.650
	Ngõ 122	-	36		36
	Ngõ 124	-	39		39
	Ngõ cạnh Biệt thự số 85	-	72		72
	Ngõ 103	-	178		178
	Ngõ 164	-	102		102
	Ngõ 111	-	120		120
	Ngõ 188	-	226		226
	Ngõ 238	-	221		221
	Ngõ 232	-	130		130
	Ngõ 236	-	99		99
	Ngõ 240	-	259		259
	Ngõ 256	-	89		89
	Ngõ 266	-	51		51
	Ngõ 276	-	33		33
14	Đường Tĩnh Hải	-	857		857
15	Đường Thế Nhân	-	2.390		2.390
	Ngõ 10	-	110		110
	Ngõ 12	-	220		220
16	Đường An Toàn	-	944		944
	Ngõ 21	-	375		375
	Phố An Lập	-	1.412		1.412

			kích thước			
17	Đường Hòa Nghĩa	-	2.650		2.650	
	Ngõ 23	-	57		57	
	Ngõ 39	-	242		242	
	Ngõ 67	-	77		77	
	Ngõ 91	-	98		98	
	Ngõ 101	-	62		62	
	Ngõ 168	-	119		119	
	Ngõ 173	-	47		47	
	Ngõ 218	-	45		45	
	Ngõ 234	-	58		58	
	Ngõ 240	-	242		242	
18	Đường 402	-	3.970		3.970	
	Ngõ 1	-	42		42	
	Ngõ 3	-	45		45	
	Ngõ 4	-	36		36	
	Ngõ 56	-	292		292	
	Ngõ gần số nhà 17	-	109		109	
	Ngõ 19	-	103		103	
	Ngõ 68	-	500		500	
	Ngõ 78	-	304		304	
	Ngõ 90	-	128		128	
	Ngõ 100	-	239		239	
	Ngõ gần số nhà 158	-	57		57	
	Ngõ 178	-	119		119	

			kích thước		
	Ngõ 176	-	286		286
	Ngõ 21	-	84		84
	Ngõ 27	-	52		52
	Ngõ 198	-	233		233
	Ngõ 438	-	93		93
	Ngõ 151	-	88		88
	Ngõ 468	-	69		69
	Ngõ 167	-	166		166
	Ngõ 195	-	227		227
	Ngõ 516	-	76		76
19	Phố Tân Thành (từ ngã 3 giao cắt đường Phạm Văn Đồng đến hết khu dân cư)	-	240		240
20	Khu dân cư Tân Tiến	m			
	+ Phố Bùi Phổ (TC1 - TC11)	-	550		550
	+ TC11 - TC15	-	720		720
	+ TC2 - TC15	-	260		260
	+ TC3 - TC16	-	170		170
	+ TC16 - TC13	-	220		220
	+ 2 ngõ từ TC3 - TC16	-	220		220
	+ Đường đất đầu TC4	-	180		180
	+ Ngõ 104	-	50		50
21	Khu dân cư Tân Lập	m			-
	+ Dọc: TA - TA	-	1.100		1.100
	+ Dọc: TB - TB2	-	720		720
	+ Dọc: TA3 - TA6	-	220		220

			kích thước		
	+ Ngang: TA2 - TB1	-	800		800
	+ Ngang: TA5 - TB2	-	800		800
	+ TA4	-	270		270
	+ Ngõ: TA2 - TA5 (ngõ 1)	-	100		100
	+ Ngõ: TA5 - TA6 (ngõ 2, 3, 4)	-	750		750
	+ Ngõ: TA6 - TB2 (ngõ 5)	-	230		230
	+ Đường Vũ Thị Ngọc Toàn (từ đường trục Tân Lập về phía phải từ đường 353 vào)	-	90		90
	+ Ngõ 69	-	50		50
22	Khu dân cư Tân Hợp	m			-
	+ Ngõ nhánh giữa TB9 và TB10 (3 ngõ)	-	600		600
	+ Ngõ nhánh giữa TB5 và TB11 (2 ngõ)	-	400		400
	+ Ngõ nhánh giữa TB11 và TB12 (2 ngõ)	-	400		400
	+ Đoạn từ TB4 đến TB7	-	490		490
	+ Đoạn đầu từ TB4 đến TB3	-	212		212
	+ Đường ngang (9 đường song song với ngõ 235)	-	1.800		1.800
	+ Ngõ nhánh giữa TB12 - TB9	-	600		600
	+ Đoạn mới song song với TB7 - TC5	-	400		400
	+ Ngõ nhánh giữa TB5 - TB (3 ngõ)	-	600		600
	+ Ngõ 147	-	100		100
	+ Ngõ 221	-	180		180
	+ Ngõ nhánh nối đường Vũ Thị Ngọc Toàn với đường song song ở trên	-	150		150

			kích thước			
II	Công tác quét đường, hè, giải phân cách					
1	Diện tích quét đường	m2			21.448	
1.1	Đường Hải Phong		905	2	3.620	
1.2	Đường 402		3900	2	15.600	
1.3	Đường Đại Thắng		557	2	2.228	
2	Diện Tích quét hè	m2			13.158	
2.1	Đường Hải Phong		905	4,5	8.145	
2.2	Đường Đại Thắng		557	4,5	5.013	
3	Duy trì giải phân cách	m			1.810	
3.1	Đường Hải Phong		905	2	1.810	

4. Giải pháp và phương pháp luận:

Nhà thầu chuẩn bị đề xuất giải pháp, phương pháp luận tổng quát thực hiện dịch vụ theo các nội dung quy định tại Chương V, gồm các phần như sau:

1. Giải pháp và phương pháp luận;
2. Kế hoạch công tác.

5. Quy định về kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm:

Nhà thầu thống nhất với Chủ đầu tư để xác nhận về việc vận chuyển, xử lý chất thải là căn cứ để nghiệm thu và thanh toán cho nhà thầu.